TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 5
PHIẾU SỐ 20

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 13,9 …… 13,3

A. > **B.** < **C.** =

Câu 2. Hỗn số 4 7/8 viết thành phân số là:

A. 39/8 **B.** 39/32 **C.** 11/8 **D.** 36/8

Câu 3. Làm tròn số 119,842 đến hàng phần trăm ta được:

A. 119,85 **B.** 119,842 **C.** 119,84 **D.** 119,86

Câu 4. Một sợi dây dài 27,17 m, sợi dây thứ hai dài hơn sợi dây thứ nhất 39,3 m. Cả hai sợi dây dài:

A. 93,64 m **B.** 66,47 m **C.** 93,54 m **D.** 94,64 m

Câu 5. 8834 m = …… km

A. 883,4 **B.** 88,34 **C.** 0,8834 **D.** 8,834

Câu 6. Hình tam giác có độ dài đáy 16 cm, chiều cao 9 cm. Diện tích hình tam giác là:

A. 25 cm² **B.** 72 cm² **C.** 144 cm² **D.** 50 cm²

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 2,5 × 4,15 × 4 = ……

b) 6,81 × 6,8 + 6,81 × 3,2 = ……

c) 39,2 + 46,1 + 3,8 + 3,9 = ……

Bài 2. Tính (viết kết quả dưới dạng phân số tối giản):

a) 10/9 × 2/3 = ……

b) 3/5 : 1/4 = ……

c) 4/9 + 2/5 = ……

Bài 3. Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 193,49 + 46,9 = ……

b) 368,4 − 88,86 = ……

c) 38,5 × 4,9 = ……

d) 1,75 : 0,5 = ……

Bài 4. Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 3 m 9 cm = …… m

b) 9 kg 64 g = …… kg

c) 2 ha = …… m^2

d) 1600 m^2 = …… ha

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3,14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 3 cm: …… cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 3 cm: …… cm^2

c) Chu vi hình tròn đường kính 46 dm: …… dm

Bài 6. Ngày thứ nhất cửa hàng bán được 50,4 kg gạo, ngày thứ hai bán ít hơn ngày thứ nhất 3,8 kg, ngày thứ ba bán được 14,21 kg. Hỏi trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Ngày thứ hai bán được: …… kg

b) Cả ba ngày bán được: …… kg

c) Trung bình mỗi ngày bán được: …… kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 20

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	A	C	A	D	B

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) $(2{,}5 \times 4) \times 4{,}15 = 10 \times 4{,}15 = 41{,}5$

b) $6{,}81 \times (6{,}8 + 3{,}2) = 6{,}81 \times 10 = 68{,}1$

c) $(39{,}2 + 3{,}8) + (46{,}1 + 3{,}9) = 43 + 50 = 93$

Bài 2.

a) $10/9 \times 2/3 = 20/27$

b) $3/5 : 1/4 = 12/5$

c) $4/9 + 2/5 = 38/45$

Bài 3.

a) $193{,}49 + 46{,}9 = 240{,}39$

b) $368{,}4 - 88{,}86 = 279{,}54$

c) $38{,}5 \times 4{,}9 = 188{,}65$

d) $1{,}75 : 0{,}5 = 3{,}5$

Bài 4.

a) 3,09

b) 9,064

c) 20 000

d) 0,16

Bài 5.

a) $3 \times 2 \times 3{,}14 = 18{,}84$

b) $3 \times 3 \times 3{,}14 = 28{,}26$

c) $46 \times 3{,}14 = 144{,}44$

Bài 6.

Ngày thứ hai: $50{,}4 - 3{,}8 = 46{,}6$ (kg)

Cả ba ngày: $50{,}4 + 46{,}6 + 14{,}21 = 111{,}21$ (kg)

Trung bình: $111{,}21 : 3 = 37{,}07$ (kg)